

Số: 150/2021/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 19 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 774/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Trần Lê Thanh T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: đường H, khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị Hồng Đ, sinh năm 1994.

Địa chỉ: đường H, khu phố A, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Lê Thanh T và bà Trần Thị Hồng Đ có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 01/09/2018 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do cuộc sống chung xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[2] Ngày 11 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng không thành, đồng thời các đương sự giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận giải quyết toàn bộ việc dân sự.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Lê Thanh T và bà Trần Thị Hồng Đ thuận tình ly hôn

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 01/09/2018 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Lê N, sinh ngày 03/02/2019 cho bà Đ được trực tiếp nuôi sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng: Ông T và bà Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền, lợi ích hợp pháp của con, sau khi ly hôn các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông T và bà Đ cùng chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2019/0041956 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, như vậy ông T và bà Đ đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ việc dân sự. (TK Dung)

THẨM PHÁN

Đỗ Khắc Dương

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.
- (3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.
- (5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.
- (6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].